

Bản án số: 10 /2019/DS-ST

Ngày: 02/5/2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HT**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Đình K

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Thanh T và bà Vũ Thị N

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Th - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, tỉnh BT tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị L - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 183/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2018, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXX ngày 13 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2019/QĐXX ngày 09 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Bạch Y, sinh năm: 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã Tân Phúc, huyện HT, tỉnh BT.

**- Bị đơn:** Ông Trương Văn Bé N (vắng mặt)

và bà Dương Thị Kiều L (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã Tân Phúc, huyện HT, tỉnh BT.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 09/11/2018, qua lời khai của nguyên đơn và các chứng cứ thu thập có tại hồ sơ cũng như tại phiên tòa thì nội dung vụ kiện được thể hiện như sau:

Khoảng giữa tháng 11/2015, ông Trương Văn Bé N trú cùng thôn có nhờ bà Y vay mượn số tiền 7.000.000đồng để điều trị cho con đang bị bệnh và tiêu dùng gia đình lúc khó khăn. Do có mối quan hệ hàng xóm nên bà Y đã vay mượn và cho vợ chồng ông Trương Văn Bé N số tiền 7.000.000đồng. Nhưng đến nay, bà Y đã đòi nhiều nhưng vợ chồng ông Trương Văn Bé N và bà Dương Thị Kiều L vẫn không trả tiền gốc lẫn lãi. Nay bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc vợ chồng ông N, bà L phải trả cho bà số tiền gốc: 7.000.000đồng và tiền lãi tính từ tháng 11/2015 đến nay là 7.000.000đồng. Tổng cộng cả gốc lẫn lãi là 14.000.000đồng.

Bị đơn là vợ chồng ông Trương Văn Bé N và bà Dương Thị Kiều L đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến toà án và không có ý kiến nộp cho tòa án, do đó bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

*Đại diện VKSND huyện HT tham gia phiên tòa phát biểu:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa HĐXX, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng. Riêng bị đơn mặc dù được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và đã niêm yết đúng quy định nhưng bị đơn không chấp hành do đó Tòa án hiện đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Yến không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh có việc vay tiền giữa bà và ông N. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí đương sự phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy;

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

- *Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của tòa án:* Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có địa chỉ tại xã Tân Phúc, huyện HT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HT theo quy định tại điều 26, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228 BLTTDS năm 2015.

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Theo lời trình bày của nguyên đơn thì bị đơn vay tiền của nguyên đơn vào giữa tháng 11/2015 nhưng không trả tiền. Theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án chỉ áp dụng thời hiệu theo yêu cầu của một hoặc các bên nhưng trong vụ án này không có ai yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[2] Về nội dung:** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn cho rằng khoảng giữa tháng 11/2015, ông Trương Văn Bé N có nhờ bà Yến vay dùm số tiền 7.000.000đồng để điều trị cho con đang bị bệnh và tiêu dùng gia đình. Do quan hệ hàng xóm nên bà Y đã cho ông N vay số tiền 7.000.000đồng với lãi suất thỏa thuận miệng là 200.000đồng/tháng, việc vay tiền không viết giấy tờ gì và cũng không có người làm chứng. Do đó, bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc vợ chồng ông N, bà L phải trả cho bà số tiền gốc: 7.000.000đồng và tiền lãi tính từ tháng 11/2015 đến nay là 7.000.000đồng. Tổng cộng cả gốc lẫn lãi là 14.000.000đồng.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Y không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh có việc vay tiền giữa bà và ông N mà chỉ khai là vào khoảng đầu năm 2016, bà làm đơn gửi đến Công an xã TP giải quyết, sau đó Công an xã TP có giải thích cho bà khởi kiện tại Tòa án. Mặt khác, bị đơn là vợ chồng ông Năm, bà Loan đã được triệu tập nhiều lần nhưng không đến toà án và không có ý kiến nộp cho Tòa án. Do đó, Tòa án phải tiến hành thu thập các chứng cứ có liên quan để giải quyết vụ án; Tại Bản án số: 13/2016/HNGĐ-ST ngày 14/6/2016 về việc ly hôn giữa ông Trương Văn Bé N và bà Dương Thị Kiều L xác định vào thời điểm mà bà Y cho rằng vợ chồng ông N, bà L vay tiền là khoản thời gian vợ chồng ông N, bà L đang ly thân; Trong thời gian này, bà L đã dẫn các con về nhà cha mẹ của bà L ở cho đến khi ly hôn.

Chứng cứ duy nhất để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là bà Y trình bày rằng bà có làm đơn gửi đến Công an xã TP giải quyết nhưng bà không cung cấp kết quả việc giải quyết tại Công an xã TP. Do đó, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ và tại biên bản xác minh ngày 27 tháng 12 năm 2018, Công an xã TP đã xác định: Vào khoảng đầu năm 2016, bà Yến có đến Công an xã TP trình bày (lời nói) về sự việc ông Trương Văn Bé N có vay của bà Y số tiền 7.000.000đồng nhưng không trả chứ không làm đơn gửi Công an như bà Y trình bày. Do bà Y không làm đơn, không cung cấp chứng cứ gì và sự việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an xã TP nên Công an xã TP đã giải thích cho bà Y làm đơn khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện HT. Công an xã TP khẳng định rõ không nhận đơn và không giải quyết đơn đòi tiền vay của bà Yến. Việc bà Yến khai Công an xã TP đã giải quyết là không đúng. Riêng bà Dương Thị Kiều L không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án vì bà đã ly hôn và không biết việc vay mượn tiền gì cả. Bà không chịu trách nhiệm việc ông Trương Văn Bé N vay mượn tiền.

Đối với yêu cầu về tiền lãi: Bà Y cho rằng khi cho vay thì các bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 200.000đồng/tháng nên bà yêu cầu tiền lãi từ tháng 11/2015 đến nay là 7.000.000đồng ( $200.000\text{đồng/tháng} \times 35 \text{ tháng} = 7.000.000\text{đồng}$ ) nhưng bà cũng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh.

Từ căn cứ và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH;**

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 184, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005; 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Bạch Y.

2/ Về án phí: Bà Nguyễn Bạch Y phải chịu 700.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 350.000đồng theo biên lai thu tiền số 0024588 ngày 24/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân. Bà Nguyễn Bạch Y phải nộp thêm số tiền là 350.000đồng.

Án xử công khai, báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

*Án có hiệu lực theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BT;
- VKSND huyện HT;
- Chi cục THADS huyện HT;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Đình Kh**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀM TÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

### **BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi ..... giờ ..... phút, ngày 02 tháng 5 năm 2019

Tại: Phòng nghị án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

Với Hội đồng xét xử dân sự sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Khương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Tú và bà Vũ Thị Nữ

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 183/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2018, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Bạch Yến, sinh năm: 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã Tân Phúc, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn*: Ông Trương Văn Bé Năm (vắng mặt)

và bà Dương Thị Kiều Loan (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã Tân Phúc, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

#### **I/ Về Thủ tục tố tụng:**

- *Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án*: Các thành viên trong hội đồng xét xử thống nhất xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có địa chỉ tại xã Tân Phúc, huyện Hàm Tân nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân theo quy định tại điều 26, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228 BLTTDS năm 2015.

*-Về thời hiệu khởi kiện:* Theo lời trình bày của nguyên đơn thì bị đơn vay tiền của nguyên đơn vào giữa tháng 11/2015 nhưng không trả tiền. Theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án chỉ áp dụng thời hiệu theo yêu cầu của một hoặc các bên nhưng trong vụ án này không có ai yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kết quả biểu quyết: 3/3

**II/ Về Điều luật áp dụng:** Các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 184, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005; 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

**III/ Các vấn đề giải quyết:**

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Bạch Yến.

**IV/ Các vấn đề khác:**

*-Về án phí:* Bà Nguyễn Bạch Yến phải chịu 700.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 350.000đồng theo biên lai thu tiền số 0024588 ngày 24/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân. Bà Nguyễn Bạch Yến phải nộp thêm số tiền là 350.000đồng. Quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi .... giờ .... phút, ngày 02 tháng 5 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Tú

Vũ Thị Nữ

Phạm Đình Khương

